

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NT
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-12-2023
V/v: Ly hôn giữa chị T
và anh T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình;

Bà Phạm Hồng Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn NG, huyện NT, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn NG, huyện NT, tỉnh Nam Định;

Chị T, anh T đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15-10-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Đinh Văn T đăng ký kết hôn ngày 01-11-1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn NG, huyện NT, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T tính gia trưởng áp đặt, không quan tâm đến vợ con. Anh T đi làm kinh tế không mang về cho chị T nuôi con và trang trải sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, ảnh hưởng đến tâm lý và chất lượng cuộc

sống. Chị T đã bỏ qua nhiều lần để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng anh T tính tình vẫn không thay đổi. Từ tháng 7-2023 vợ chồng cãi nhau, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm của chị đối với anh T không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị T, sinh ngày 30-11-1998 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 23-7-2004. Hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình, cháu Đ đã trưởng thành và đang đi làm nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01-11-2023 của bị đơn anh Đinh Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân. Theo anh T, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hòa hợp, chị T có tính ham vui chơi anh T có khuyến bảo bỏ qua nhiều lần nhưng chị T không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 7-2023 do một vài mâu thuẫn nhỏ nhặt chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong thời gian chị T về nhà bố mẹ đẻ anh T nhiều lần động viên chị T suy nghĩ về đoàn tụ vì theo anh T vợ chồng mâu thuẫn chỉ là va chạm hàng ngày chưa đến mức phải ra Tòa. Nay chị T nộp đơn xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị T quyết tâm xin ly hôn anh T cũng nhất trí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời khai của chị T vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị T, sinh ngày 30-11-1998 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 23-7-2004. Hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình, cháu Đ đã trưởng thành và đang đi làm.

Về tài sản chung: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị T vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T và anh T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự

đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng T và anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị T, sinh ngày 30-11-1998 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 23-7-2004. Hiện nay cháu T, cháu Đ đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung nghĩa vụ tài sản chung: Chị T và anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Thị Hồng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Đinh Quang T đều có đề nghị xin vắng mặt tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hồng T và anh Đinh Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn NG, huyện NT, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 01-11-1997. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là có thật. Theo chị T vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T tính tình gia trưởng thường áp đặt chị nên trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra bất đồng, tranh cãi. Từ tháng 7-2023, chị T đã về nhà ngoại ở, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh T. Theo anh T vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và một phần do chị T có tính ham chơi anh T đã khuyên bảo và

bỏ qua nhưng chị T không thay đổi. Nay chị T xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 20-11-2023 anh T ý kiến trường hợp chị T quyết tâm xin ly hôn anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không còn hòa hợp, hạnh phúc. Thời gian vợ chồng sống ly thân chị T có đơn đề nghị xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không có biện pháp, hành động thiết thực nào nhằm hàn gắn tình cảm để cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Thị T, sinh ngày 30-11-1998 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 23-7-2004. Hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình, cháu Đ đã trưởng thành và đang đi làm, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T và anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Chị T và anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Hồng T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng T và anh Đinh Văn T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Hồng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000638 ngày 30-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn NG;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA